

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 53/2018/DS-PT

Ngày: 30/3/2018

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Cường

Ông Nguyễn Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Phạm Thị Thanh Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2017/TLPT-DS ngày 05/12/2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng dân sự”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 62/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P, bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2018/QĐ-PT ngày 09/02/2018; Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 38/2018/QĐ-PT ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ngân hàng V

Địa chỉ: tầng 1-7, Tòa nhà T, số A đường Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T – chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý của Ngân hàng V.

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà F, số 144 C, Phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số B đường N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2- Bị đơn: Bà T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh B.

4- Người kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Tại phiên tòa, có mặt bà T, đại diện Ngân hàng V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V là ông Nguyễn Công T trình bày:

Ngân hàng V chi nhánh thành phố H (gọi tắt là V) có ký Hợp đồng tín dụng số 20140802-104007-0006 ngày 26/7/2014, có tên gọi Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng, điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ với bà T vay số tiền 17.850.000 đồng, trong đó có 17.000.000 đồng vay tiêu dùng mua sắm dụng cụ gia đình và phí bảo hiểm 850.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng tính từ ngày 06/8/2014, số tiền trả hàng tháng 1.294.000 đồng, ngày thanh toán 06/9/2014, lãi suất 60%/năm là 5%/tháng. Tính trong thời hạn 24 tháng thì bà T phải trả cho Ngân hàng V số tiền gốc 17.850.000 đồng, tiền lãi 13.189.000 đồng, tổng cộng 31.039.000 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng V và bà T không ký hợp đồng nào khác.

Theo hợp đồng ký giữa Ngân hàng V và bà T thì hình thức giải ngân số tiền bà T vay là qua VN Post là Công ty bưu chính Việt Nam, cụ thể là bưu cục A thuộc tỉnh Bình Dương, địa chỉ cụ thể thì Ngân hàng V không rõ và không cung cấp được cho Tòa án. Số tiền 17.850.000 đồng giải ngân cho bà T ngày nào Ngân hàng V không rõ. Ngân hàng V không cung cấp được hợp đồng giữa Ngân hàng V với VN Post và chứng từ chuyển tiền từ Ngân hàng V cho bưu cục A để giải ngân cho bà T vay số tiền trên.

Từ ngày vay, bà T đã trả cho Ngân hàng V 03 lần, cụ thể: ngày 10/9/2014 trả 1.296.000 đồng, ngày 07/10/2014 trả 1.296.000 đồng, ngày 07/11/2014 trả 1.296.000 đồng, tổng cộng bà T đã trả được số tiền 3.888.000 đồng (trong đó tiền gốc 1.265.728 đồng, tiền lãi 2.622.272 đồng). Bà T trả tiền cho Ngân hàng V tại bưu cục A thuộc tỉnh Bình Dương (căn cứ vào bảng tiến độ thanh toán của khách hàng do Ngân hàng V cung cấp). Nay bà T đã vi phạm hợp đồng, không yêu cầu bà T trả tiền lãi suất tính từ thời điểm 07/11/2014 cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày giải ngân thông qua tài khoản của bà T tại Ngân hàng V. Nay chính bà T không có số tài khoản tại Ngân hàng V nên việc giải ngân do bà T lựa chọn trong hợp đồng là thông qua VN Post và việc giải ngân thành công thể hiện trên giấy chứng nhận trả tiền của bưu cục.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho người đại diện của nguyên đơn Thông báo số 90/TB-TA ngày 12/7/2017 về việc giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ bổ sung cho Tòa án.

- Bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Cao Thị X (mẹ chồng bà T) nhận thay và cam kết giao lại; các thủ tục khác Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

Sau khi hòa giải không thành, ngày 19/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố P đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 62/2017/DS-ST, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Buộc bà T phải trả số tiền 16.584.272 đồng (Mười sáu triệu năm trăm tám mươi tư nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng) cho Ngân hàng V.

Án phí:

Ngân hàng V phải nộp 829.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 414.000 đồng theo biên lai số 0013415 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Ngân hàng V còn phải nộp 415.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo và các quy định của luật thi hành án dân sự.

Ngày 02/10/2017, Ngân hàng V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng Tòa sơ thẩm căn cứ vào việc Ngân hàng V không cung cấp được chứng cứ giải ngân

để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng V, không đánh giá đúng thực chất của vụ việc, hợp đồng đã được ký kết giữa Ngân hàng V và bà T, bà T đã đồng ý tất cả điều khoản trong hợp đồng nên hai bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của Ngân hàng V vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T có mặt và công nhận có vay và còn nợ của Ngân hàng V số tiền 16.584.272 đồng, bà T đề nghị được trả nợ nhiều lần do hoàn cảnh khó khăn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng V: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T có mặt và chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng V, đây là chứng cứ mới (trước đây Tòa sơ thẩm không mời được bà T, Ngân hàng V không chứng minh được bà T có vay và còn nợ của Ngân hàng V số tiền 16.584.272 đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng V.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa phúc thẩm, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà T và ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng V số tiền 16.584.272 đồng do bà T vay và còn nợ của Ngân hàng V. Tòa sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 135 Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án sơ thẩm vắng mặt bị đơn là bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, căn cứ tại hồ sơ thể hiện là bà T và ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Theo Ngân hàng V thì địa chỉ tạm trú của bà T khi ký hợp đồng vay với Ngân hàng V tại khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Qua xác minh thì bà T không tạm trú ở địa chỉ trên, Tòa sơ thẩm đã căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định địa chỉ của bị đơn là thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận để thụ lý giải quyết, đồng thời tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai nhưng bà T và ông Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt, Tòa sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bà T, vắng mặt ông Nguyễn Văn T, Tòa phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn T hai lần nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn

vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T theo thủ tục chung.

[2] Ngân hàng V xác định giữa Ngân hàng V và bà T có ký Hợp đồng tín dụng số 20140802-104007-0006 ngày 26/7/2014, theo đó Ngân hàng V có cho bà T vay số tiền 17.850.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 60%/năm, số tiền bà T phải trả hàng tháng là 1.296.000 đồng, ngày thanh toán 06/9/2014 hàng tháng. Sau khi vay tiền, bà T có trả cho Ngân hàng V 03 lần cụ thể: ngày 10/9/2014 trả 1.296.000 đồng, ngày 07/10/2014 trả 1.296.000 đồng, ngày 07/11/2014 trả 1.296.000 đồng, bà T trả tiền qua bưu cục A tỉnh Bình Dương.

[3] Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án sơ thẩm, Ngân hàng V xác định cho bà T vay số tiền 17.850.000 đồng chi tiêu cho gia đình, Ngân hàng V yêu cầu bà T và chồng là ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng V. Ngân hàng V cho rằng, ngày 26/6/2014 bà T có ký đơn đề nghị mở tài khoản phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kèm hợp đồng tín dụng, ngày 06/8/2014 Ngân hàng V ký phê duyệt cho bà T vay 17.850.000 đồng và giải ngân cho bà T vay số tiền trên là do bưu cục A tỉnh Bình Dương thực hiện đúng hợp đồng tín dụng đã ký ngày 26/7/2014, việc giải ngân được coi là hoàn thành khi bà T nhận được khoản tiền trên tại VN Post được thể hiện trên giấy chứng nhận trả tiền cho Ngân hàng V tại bưu cục A. Tuy nhiên, không cung cấp được chứng từ chuyển tiền của Ngân hàng V cho bưu cục A, hợp đồng giữa Ngân hàng V với VN Post, không cung cấp được giấy chứng nhận trả tiền của bưu cục An K cho bà T nhưng cho rằng bà T đã nhận được số tiền 17.850.000 đồng của Ngân hàng V và trả cho Ngân hàng V 03 lần với số tiền 3.888.000 đồng theo bảng kê của Ngân hàng V là chưa có cơ sở. Với tài liệu, chứng cứ trên, Tòa sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tại Tòa phúc thẩm bà T trình bày, ngày 26/7/2014 bà có ký đề nghị mở tài khoản vay vốn và ký hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng V số tiền 17.850.000 đồng và có nhận của Ngân hàng V số tiền 17.850.000 đồng tại bưu cục T, tỉnh Bình Dương, nhưng nhận tiền thời gian nào bà không nhớ, chỉ nhớ là nhận sau 05 ngày ngân hàng phát hành thẻ cho bà, từ khi vay tiền đến nay bà đã trả cho Ngân hàng V 03 lần với số tiền 3.888.000 đồng, bà xác định vợ chồng bà có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ như Ngân hàng V yêu cầu 16.584.272 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh là *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan có chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, bà T đã thừa nhận có thực hiện các thủ tục vay và có nhận 17.850.000 đồng của Ngân hàng V như đại diện của Ngân hàng V trình bày. Bà T trình bày số tiền vay của Ngân hàng V bà dùng chi tiêu cho gia đình. Khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật*

này”, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*” thì ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm cùng bà T trả số tiền trên cho Ngân hàng V. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng V, buộc bà T và ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả cho Ngân hàng V số tiền 16.584.272 đồng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do kháng cáo được chấp nhận nên Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng V, sửa bản án sơ thẩm số 62/2017/DS-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P.

1/ Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262, khoản 1, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc bà T và ông Nguyễn Văn T phải liên đới trả số tiền 16.584.272 đồng cho Ngân hàng V (trong đó, bà T phải có trách nhiệm trả 8.292.136 đồng, còn ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả 8.292.136 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu một khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền phải trả được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản

1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ, tức bằng 10%/năm của khoản tiền vay.

3/ Án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà T và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 414.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền 414.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013415 ngày 29/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

- Án phí phúc thẩm:

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai tiền tạm ứng án phí số 0019917 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/3/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND tp P;
- THADS tp P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ LAN

